

Số: ~~3577~~/TCT-DNL
V/v Chính sách thuế.

Hà Nội, ngày 11 tháng 9 năm 2010

Kính gửi: Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Tổng cục Thuế nhận được công văn số 1189/CSVN-TCKT ngày 15/6/2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam đề nghị hướng dẫn giải đáp một số vướng mắc về chính sách thuế, quản lý thuế. Về vấn đề này Tổng cục Thuế có ý kiến như sau:

1. Thuế Giá trị gia tăng

1.1. Về điều kiện khấu trừ thuế:

Tại điểm 1.3b Mục III Phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính quy định:

“1.3. Điều kiện khấu trừ thuế giá trị gia tăng đầu vào quy định như sau:

...

b) Có chứng từ thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào, trừ trường hợp tổng giá trị hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn dưới hai mươi triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT.

Hàng hoá, dịch vụ mua vào từng lần theo hóa đơn trên hai mươi triệu đồng theo giá đã có thuế GTGT nếu không có chứng từ thanh toán qua ngân hàng thì không được khấu trừ. Đối với những hoá đơn này, cơ sở kinh doanh kê khai vào mục riêng trong bảng kê hoá đơn, chứng từ hàng hoá, dịch vụ mua vào...”

Căn cứ quy định trên thuế giá trị gia tăng của các hoá đơn Công ty mua cà phê của khách hàng có giá trị trên 20 triệu đồng theo giá đã có thuế giá trị gia tăng chỉ được khấu trừ nếu thực hiện thanh toán qua Ngân hàng.

Quy định trên đây đã được cơ quan soạn thảo nghiên cứu kỹ, báo cáo giải trình và được Quốc hội khoá XII nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam chấp thuận thông qua, quy định tại Điều 12 Luật thuế Giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03/0/2008. Theo đó, đã góp phần thực hiện và thúc đẩy chủ trương của Đảng và Nhà nước và khuyến khích thanh toán không dùng tiền mặt; đồng thời góp phần ngăn chặn các hành vi mua bán, sử dụng hoá đơn bất hợp pháp, gian lận trong khấu trừ, hoàn thuế giá trị gia tăng, chống thất thu ngân sách, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, lành mạnh.

1.2. Về phân bổ thuế giá trị gia tăng đầu vào:

Tại khoản c.2 và c.3 Điểm 1 Mục III Phần B Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính quy định:

“c) Xác định thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

c.2. Thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế và không chịu thuế GTGT thì chỉ được khấu trừ số thuế GTGT đầu vào của hàng hoá, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT. Cơ sở kinh doanh phải hạch toán riêng thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ theo tỷ lệ (%) giữa doanh số chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh số của hàng hoá, dịch vụ bán ra.

c.3. Thuế GTGT đầu vào của tài sản cố định sử dụng đồng thời cho sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế GTGT và không chịu thuế GTGT thì được khấu trừ toàn bộ...”

Căn cứ quy định trên trường hợp Tập đoàn mua sắm tài sản cố định để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh có hoá đơn giá trị gia tăng và đáp ứng điều kiện về thanh toán thì thuế giá trị gia tăng đầu vào của tài sản cố định được khấu trừ toàn bộ. Trường hợp đơn vị mua hàng hoá (không phải tài sản cố định) để dùng chung cho hoạt động sản xuất kinh doanh chịu thuế và không chịu thuế giá trị gia tăng, nếu không hạch toán riêng được thuế giá trị gia tăng đầu vào của hàng hoá, dịch vụ sử dụng đồng thời cho sản xuất kinh doanh hàng hoá, dịch vụ chịu thuế giá trị gia tăng và hàng hoá, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng thì thuế giá trị gia tăng đầu vào sẽ được khấu trừ theo tỷ lệ (%) giữa doanh số chịu thuế giá trị gia tăng so với tổng doanh số của hàng hoá, dịch vụ bán ra.

Đối với doanh thu bán cây cao su thanh lý, Tổng cục Thuế đã nhận được công văn số 423/CSTN-TCKT ngày 09/06/2010 đề nghị được áp dụng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp. Về vấn đề này, Bộ Tài chính đang trao đổi ý kiến các Bộ, ngành liên quan để sớm ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể chung cho Tập đoàn.

2. Thuế thu nhập doanh nghiệp

2.1. Đối với các khoản chi tài trợ:

Tại các điểm 2.21; 2.22; 2.23; 2.24 Mục IV, Phần C Thông tư số 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính đã quy định rõ các trường hợp cụ thể cùng các điều kiện đi kèm của khoản chi tài trợ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế. Ngoài các trường hợp nêu trên, các trường hợp chi tài trợ khác không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế.

2.2. Về việc trích, sử dụng quỹ phát triển khoa học và công nghệ:

Tại điểm 1, điểm 3 và điểm 4, Mục VIII, Phần C Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính quy định:

“1. Doanh nghiệp được thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp. Doanh nghiệp tự xác định mức trích lập Quỹ phát triển khoa học công nghệ theo quy định trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Hàng năm nếu

doanh nghiệp có trích lập quỹ phát triển khoa học công nghệ thì doanh nghiệp phải lập Báo cáo trích, sử dụng Quỹ phát triển khoa học công nghệ và kê khai mức trích lập, số tiền trích lập vào tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. Báo cáo việc sử dụng Quỹ phát triển khoa học công nghệ được nộp cùng tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp.

...

3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp chỉ được sử dụng cho đầu tư khoa học, công nghệ tại Việt Nam. Các khoản chi từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ phải có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

4. Doanh nghiệp không được hạch toán các khoản chi từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế...”

Căn cứ các quy định trên, trường hợp Tập đoàn có thực hiện trích lập quỹ Khoa học công nghệ theo quy định thì Quỹ này được chỉ cho hoạt động đầu tư cho khoa học, công nghệ tại Việt Nam của Doanh nghiệp. Việc trích lập và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ phải đảm bảo các nguyên tắc quy định trên đây khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp.

3. Thuế Thu nhập cá nhân

3.1. Về cấp mã số thuế thu nhập cá nhân:

Đối với kiến nghị về việc cấp mã số thuế thu nhập cá nhân cho các cá nhân chưa có chứng minh thư nhân dân, Tổng cục Thuế đề nghị Tập đoàn yêu cầu các cá nhân làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để được cấp chứng minh nhân dân, trên cơ sở đó hoàn thiện các thủ tục để được cấp mã số thuế thu nhập cá nhân theo quy định.

Đối với khoản thuế thu nhập cá nhân phát sinh của cá nhân chưa có mã số thuế do chưa có chứng minh thư nhân dân, đề nghị Tập đoàn và các công ty thành viên khi chi trả các khoản thu nhập cho cá nhân thì thực hiện khấu trừ và nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định.

Về một số vướng mắc khác liên quan đến việc cấp mã số thuế và quyết toán thuế thu nhập cá nhân cho các cá nhân chưa có mã số thuế do chưa có chứng minh nhân dân, Tổng cục Thuế sẽ có văn bản hướng dẫn cụ thể sau.

3.2. Về thanh toán tiền công cho công nhân huy động bên ngoài:

Theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân thì các khoản thu nhập chịu thuế phát sinh của cá nhân phải kê khai, nộp thuế thu nhập cá nhân theo quy định. Trường hợp đơn vị giao cho công nhân tự huy động lực lượng lao động bên ngoài để thu hoạch cà phê cho kịp thời vụ và khi tính lương chỉ thể hiện và tính gộp lương cho lao động chính thức thì khoản tiền lương chi trả này tính thuế Thu nhập cá nhân cho lao động chính thức có tên trong bảng lương.

Để không thiệt thòi cho các lao động chính thức và phù hợp với chính sách thuế thu nhập cá nhân, đề nghị Tập đoàn hướng dẫn các công ty thực hiện việc giao kết hợp đồng lao động với những lao động huy động bên ngoài tham gia thu hoạch cà phê theo hình thức hợp đồng lao động thời vụ hoặc hợp đồng lao động theo công việc theo quy định của Bộ luật lao động về hợp đồng lao động.

3.3. Việc miễn thuế thu nhập cá nhân 6 tháng đầu năm 2009:

Tại điểm 2 Điều 1 Thông tư số 160/2009/TT-BTC ngày 12/8/2009 của Bộ Tài chính quy định:

“2. Đối tượng được miễn thuế thu nhập cá nhân từ ngày 01/01/2009 đến hết ngày 30/6/2009 bao gồm cá nhân cư trú có thu nhập từ kinh doanh; từ tiền lương, tiền công; từ nhận thừa kế; từ nhận quà tặng...”

Tại điểm 2.1 Mục I Công văn số 451/TCT-TNCN của Tổng cục Thuế ngày 08/02/2010 về việc hướng dẫn quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2009 hướng dẫn:

“2.1. Các khoản thu nhập phải kê khai quyết toán:

a. Đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công:

Nếu chỉ trả cho cá nhân cư trú (đối tượng được miễn thuế 6 tháng đầu năm 2009 theo hướng dẫn tại Thông tư số 160/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính); đơn vị chỉ trả thu nhập không phải kê khai quyết toán đối với phần thu nhập thuộc diện được miễn thuế trong 6 tháng đầu năm 2009, chỉ phải kê khai quyết toán đối với thu nhập chịu thuế và số thuế đã khấu trừ phát sinh từ ngày 01/7/2009 đến hết ngày 31/12/2009. Cụ thể các khoản thu nhập thuộc diện được miễn thuế, không phải kê khai quyết toán xác định như sau:

- Đối với tiền lương, tiền công theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể hoặc theo quyết định lương thì thu nhập được miễn thuế TNCN được xác định căn cứ vào Bảng thanh toán tiền lương, tiền công chi trả từ tháng 01/2009 đến hết tháng 06/2009 mà không phụ thuộc vào tháng hạch toán khoản tiền lương đó vào chi phí của doanh nghiệp.

...

Trường hợp vì lý do khách quan người lao động nhận được tiền lương của các tháng từ tháng 01 đến hết tháng 06/2009 trong khoảng thời gian từ ngày 01/7/2009 đến ngày 31/12/2009 thì khoản thu nhập này vẫn thuộc diện được miễn thuế TNCN...”

Tại điểm 3, Mục III Công văn số 1700/TCT-TNCN ngày 21/5/2010 của Tổng cục Thuế hướng dẫn bổ sung quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2009 quy định:

“3. Khi quyết toán thuế TNCN lấy tổng thu nhập tính thuế trong 6 tháng cuối năm chia (:) cho 6 tháng để xác định thu nhập tính thuế bình quân tháng. Trường hợp tiền lương, tiền công tháng 12/2009 (theo bảng thanh toán tiền lương, tiền công) được trả trong năm 2010 không tính vào thu nhập để xác định thu nhập chịu thuế của 6 tháng cuối năm 2009 mà tính vào thu nhập chịu thuế của năm 2010.”

Căn cứ vào các quy định nêu trên thì việc quy định miễn thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ tiền lương, tiền công của các tháng từ tháng 1 đến hết tháng 6/2009 được quy định tại Thông tư số 160/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính và Công văn số 451/TCT-TNCN của Tổng cục Thuế ngày 08/02/2010 là thống nhất. Theo đó, với số tiền chi trả cho người lao động theo bảng lương của tháng 7/2009 thì khoản tiền lương này không thuộc diện được miễn thuế thu nhập cá nhân vì tính theo bảng lương từ tháng 01 đến hết tháng 6/2009 người lao động đã được miễn thuế thu nhập cá nhân đủ 06 tháng. Trường hợp tiền lương của người lao động từ tháng 7/2009 trở đi nhưng Công ty chi trả trước cho người lao động vào thời gian từ tháng 1 đến tháng 6 năm 2009 thì không được miễn thuế. Công ty thực hiện quyết toán thuế thu nhập cá nhân năm 2009 theo hướng dẫn cụ thể tại điểm 3, Mục III Công văn số 1700/TCT-TNCN ngày 21/5/2010 của Tổng cục Thuế nêu trên.

4. Tiền thuê đất nông nghiệp

Tại điểm 1 Điều 6 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ về thu tiền thuê đất, thu mặt nước quy định:

“1. Căn cứ giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của Nghị định số 188/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về phương pháp xác định giá đất và khung giá các loại đất; căn cứ đơn giá thuê đất quy định tại Điều 4 Nghị định này; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá thuê đất cho từng loại đất, loại đô thị, loại xã, khu vực, loại đường phố, vị trí, hạng đất...”

Tại điểm 1, điểm 2 Điều 8 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ quy định:

“1. Đơn giá thuê đất của mỗi dự án được ổn định 05 năm. Hết thời hạn ổn định, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện điều chỉnh đơn giá thuê đất áp dụng cho thời hạn tiếp theo. Đơn giá thuê đất áp dụng cho thời hạn tiếp theo được điều chỉnh theo quy định tại Điều 4, Điều 6 Nghị định này.

2. Đơn giá thuê mặt nước của mỗi dự án được ổn định 05 năm. Hết thời hạn ổn định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh điều chỉnh đơn giá thuê mặt nước áp dụng cho thời hạn tiếp theo. Đơn giá thuê mặt nước áp dụng cho thời hạn tiếp theo được điều chỉnh theo quy định tại Điều 5 Nghị định này...”

Tại Điều 12 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quy định:

“Điều 12. Đơn giá thuê đất

1. Đơn giá thuê đất một năm tính bằng 0,5% đến 2% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

2. Đất ở vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định ban hành đơn giá thuê đất thấp hơn đơn giá thuê đất theo quy định, nhưng mức giá cho thuê đất thấp nhất bằng 0,25% giá đất theo mục đích sử dụng đất thuê do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

3. Đơn giá thuê đất trong trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thuê hoặc đấu thầu dự án có sử dụng đất thuê là đơn giá trúng đấu giá.”

Căn cứ quy định trên thì đơn giá thuê đất một năm được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh Quyết định, tùy từng vị trí địa lý lợi thế về kinh doanh, đặc thù về kinh tế, xã hội và các chính sách ưu đãi của từng vùng mà Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đơn giá thuê đất khác nhau. Việc phân cấp quản lý này là cần thiết để bảo đảm việc thu tiền thuê đất hợp lý và đảm bảo chính sách thu hút đầu tư của từng địa phương. Đối với các dự án đã được xác định đơn giá thuê đất theo Điều 4 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP (Điều 12 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP thay thế Điều 4 Nghị định số 142/2005/NĐ-CP từ ngày 01/10/2009) đến nay chưa quá 05 năm thì vẫn thực hiện theo đơn giá đã xác định.

5. Quản lý thuế

5.1. Các doanh nghiệp thuộc diện Tổng cục Thuế trực tiếp công tác quản lý thuế theo quyết định 856/QĐ-BTC ngày 19/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính được lựa chọn theo một số các tiêu chí sau: Tài sản; doanh thu; số nộp ngân sách; số lượng lao động; tính chất đặc thù của ngành, lĩnh vực kinh doanh;...

Ngày 14/5/2010 Tổng cục Thuế đã ban hành công văn số 1620/TCT-DNL hướng dẫn tổ chức thực hiện quyết định số 856/QĐ-BTC ngày 19/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Theo đó, các doanh nghiệp thuộc đối tượng Tổng cục Thuế trực tiếp tổ chức công tác quản lý thuế vẫn tiếp tục thực hiện đăng ký thuế, kê khai thuế, nộp thuế và quyết toán thuế trực tiếp với Cục Thuế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

5.2. Đối với việc giám trừ gia cảnh cho người phụ thuộc khi tính thuế thu nhập cá nhân; cải tiến chương trình hỗ trợ kê khai thuế thu nhập cá nhân 2.5.2; kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp 2.5.1; chi tiêu trên một số hàng, bảng, biểu tờ khai thuế chưa có hướng dẫn cụ thể Tổng cục Thuế ghi nhận ý kiến đóng góp của Tập đoàn để nghiên cứu, sửa đổi.

Tổng cục Thuế thông báo để Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam biết và thực hiện././.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Vụ PC; CS; TNCN (TCT);
- Cục thuế TP.HCM;
- Lưu: VT, DNL (3b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Vũ Thị Mai

09532472